

UBND XÃ QUẢNG ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON QUẢNG THỊNH

ĐỘ TUỔI : 4 – 5 TUỔI

(Kèm theo kế hoạch số 225/KH-MNQT ngày 25 tháng 08 năm 2025 của Trường Mầm non Quảng Thịnh)

TTMT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
A. CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG		
MTCS1	- Trẻ có chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i>
MTCS2	- Trẻ có số lượng bữa ăn phù hợp với độ tuổi (bữa chính, 1 bữa phụ)	- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
MTCS3	- Trẻ được ăn theo đúng thực đơn theo mùa, ngày, tuần phù hợp với địa phương	- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa
MTCS4	- Trẻ được uống đủ nước trong ngày theo quy định (1,6-2l)	- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

MTCS5	- Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa 150 phút	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
MTCS6	- Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân	- Vệ sinh cá nhân.
MTCS7	- Môi trường lớp học, đồ dùng, đồ chơi, được vệ sinh đảm bảo; Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải	- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
MTCS8	- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm; theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao 1q/ 1	- Phối hợp với trạm y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2l/n (tháng 10, 4). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi (1q/1). - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì : xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ, tổ chức cân đo 1t/1 đối với trẻ SDD, béo phì
MTCS9	- Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp và theo dõi tiêm chủng; Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp:	- Phòng tránh các bệnh thường gặp sởi, thủy đậu, đau mắt Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

B. MT GIÁO DỤC

I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

1. Phát triển vận động

MT1	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi * <i>Cân nặng:</i> + Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg + Trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg * <i>Chiều cao:</i>	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe định kỳ theo quy định (2 lần/năm) - Cân, đo trẻ theo định kỳ (cân 3 tháng/lần, đo 6 tháng/ lần) - Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác.
-----	---	---

	+ Trẻ trai: 100,7 - 119,2 cm + Trẻ gái: 99,9 - 118,9 cm	
MT2	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối
2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:		
MT3	Trẻ bước đi được liên tục trên ghế thể dục hoặc vạch kẻ thẳng trên sàn.	<ul style="list-style-type: none"> Đi: Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
MT4	Trẻ bước lùi được liên tiếp khoảng 3m	Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi.
2.2. Kiểm soát được vận động		
MT5	Trẻ biết đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh, trong đường đích dắc.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi: Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, zích zắc (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc) theo vật chuẩn.
MT6	Trẻ biết chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh, trong đường đích dắc.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy: <ul style="list-style-type: none"> + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc) theo vật chuẩn. + Chạy chậm 60 - 80 m.

2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động		
MT 7	Trẻ biết tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m).	- Tung bóng lên cao và bắt.
MT8	- Trẻ biết chuyền bóng với bạn	- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Chuyền bắt bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc.
MT9	- Ném trúng đích đứng (xa 1,5m cao 1,2m)	Ném trúng đích bằng 1 tay
MT10	- Trẻ tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	- Đập và bắt bóng tại chỗ.
2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp		
MT11	Trẻ chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây .	Chạy: Chạy 15m trong 10 giây.
MT12	Trẻ ném được trúng đích ngang.	Ném - Ném xa bằng 1 tay (xa 2m). - Ném xa bằng 2 tay (xa 2m).
MT13	Trẻ bò được trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	Bò, trườn, trèo: - Bò trong đường hẹp - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 x 0,6m
MT 14	Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động trườn	- Trườn theo hướng thẳng
MT 15	Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động trèo	- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang
MT16	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bật.	Bật, nhảy: - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 4cm. - Bật, nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).

		<ul style="list-style-type: none"> - Bật tách khớp chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.
MT17	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động nhảy.	- Nhảy lò cò 3m.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt		
3.1. Thực hiện được các vận động		Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.
MT18	Cuộn - xoay tròn cổ tay. Gập, mở, các ngón tay	
3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:		<ul style="list-style-type: none"> - Gập giấy - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
MT19	Trẻ vẽ được hình người, nhà, cây; cắt thành thạo theo đường thẳng; xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối; tự cài, cởi được cúc, buộc được dây giày; biết tết sợi đôi.	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT20	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: thịt, cá...có nhiều chất đạm; rau, quả chín có nhiều vitamin.	Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).
MT21	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số món ăn. - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
MT22	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

		- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT23	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng; tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, ẩm, bẩn và để vào nơi quy định.
MT24	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn trẻ sử dụng đồ dùng ăn uống. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn		
MT25	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ; chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau...; không uống nước lã.	<p>Giáo dục trẻ có hành vi tốt và thói quen trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Dạy trẻ ăn chín uống sôi.
MT26	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Vệ sinh răng miệng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản . - Giáo dục trẻ thói quen đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		- Dạy trẻ nhận biết bàn là, bếp lò, bếp điện đang đun, phích nước nóng là những vật dụng nguy hiểm và nói được nó là mối nguy hiểm không đến gần. - Nhận biết và phòng tránh các vật sắc, nhọn.
MT27	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.	
MT28	Trẻ nhận ra những nơi hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết và tránh xa những nơi hồ, ao, ruộng, nước, bể chứa nước, ổ cắm điện,..là nơi nguy hiểm không đến. - Không ra sông, suối, ao, hồ chơi và tắm.
MT29	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....để bị hóc sặc. - Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi, lá, quả lạ để bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
MT30	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp: Có đám cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu, ốm... và gọi người giúp đỡ. - Dạy trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc: trẻ nói tên mình, tên bố mẹ, người thân, địa chỉ nhà.

II. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

	1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
MT31	Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “vì sao cây lại héo?”; “vì sao lá cây bị úot?”...	

MT32	Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
MT33	Trẻ thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	Làm một số thí nghiệm đơn giản
MT34	<i>- Trẻ biết ứng dụng phương pháp STEM trong một số hoạt động giúp trẻ khám phá môi trường xung quanh</i>	<ul style="list-style-type: none"> <i>- Khám phá cây cối, hoa quả, con vật</i> <i>- Khám phá về nước</i> <i>- Khám phá phương tiện giao thông</i>
MT35	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
MT36	Trẻ phân loại được các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại một số phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả theo 1 - 2 dấu hiệu.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
MT37	Trẻ nhận xét được một số quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc, bảo vệ con vật, cây.
MT38	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.

MT39	Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	
MT40	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
MT41	Trẻ tìm hiểu một số qui định giao thông đơn giản.	Một số qui định: đội mũ khi tham gia giao thông, đi bên phải đường, qua đường phải có người lớn dắt...
<i>b) Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>		
1. Nhận biết số đếm, số lượng		
MT42	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh và hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”...	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh và hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”...
MT43	Trẻ biết đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10.	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT44	Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau.
MT45	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT46	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	Dạy trẻ tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT47	Trẻ biết sử dụng các số từ 1 đến 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
<i>MT 48</i>	<i>Trẻ biết ứng dụng phương pháp STEM trong hoạt động giúp trẻ phát triển về toán học</i>	<i>- Khám phá về các con số - Khám phá về hình, khối</i>

MT49	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, ...).
MT50	Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.
2. Sắp xếp theo qui tắc		
MT51	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	So sánh và phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
3. So sánh hai đối tượng		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.
MT52	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	
MT53	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
4. Nhận biết hình dạng		So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
MT54	Trẻ chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...).	
MT55	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT56	Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
MT57	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.

c) Khám phá xã hội

1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

MT55	Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT56	Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ, tên và công việc của bố, mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu của gia đình.
MT57	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi và trò chuyện.	Địa chỉ gia đình.
MT58	Nói tên và địa chỉ của trường lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Tên địa chỉ trường, lớp.
MT59	Nói được họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp.
MT60	Nói tên một số công việc của cô giáo và các bác công nhân, nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Tên một số công việc của cô giáo và các bác công nhân, nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
<i>MT 61</i>	<i>- Trẻ làm quen với một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn</i>	<i>- Làm quen với một số thiết bị số - Xem Video học tập an toàn - Làm quen một số thiết bị số (máy tính, màn hình cảm ứng..)</i>

2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương

MT62	Kể tên của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	Tên gọi của các nghề phổ biến, truyền thống ở địa phương: Nghề thợ mộc, nghề nông (trồng mía tím, trồng chè...
------	--	--

3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh

MT63	Trẻ kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.
MT64	Trẻ kể được tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương, quê hương đất nước.	Kể tên/ đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe		
MT65	Nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm...	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
MT66	Trẻ nghe và thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ “cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu.
MT67	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ...	Dạy trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi.
MT68	Trẻ nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	Cho trẻ nghe các loại câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT69	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	Nghe hiểu và trao đổi với người đối thoại.
MT70	Trẻ nghe hiểu được một số nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	Nghe hiểu được một số nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
MT71	Trẻ nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT72	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	Phát âm các tiếng có chứa các âm khó

MT73	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT74	Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.
MT75	Trẻ trả lời và đặt được các câu hỏi: “ai?”; “cái gì?”; “ở đâu?”; “khi nào?”; “để làm gì?”.	Trả lời và đặt các câu hỏi: “ai?”; “cái gì?”; “ở đâu?”; “khi nào?”; “để làm gì?”.
MT76	Trẻ biết sử dụng các từ “vâng”; “ạ”; “ạ”; “thưa”...khi giao tiếp.	Dạy trẻ sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT77	Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.	Kể lại sự việc theo trình tự.
MT78	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT79	Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	Kể lại truyện có nhiều tình tiết.
MT80	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Dạy trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. - Đóng kịch.
MT81	Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp (buồn, vui, ngạc nhiên, xấu hổ...).
3. Làm quen với đọc viết		
MT82	Trẻ biết chọn sách để xem.	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT83	Trẻ biết mô tả hành động các nhân vật trong tranh.	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Cho trẻ xem tranh minh họa gọi tên nhân vật trong tranh.
MT84	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
MT85	Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ).

MT86	Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	Dạy trẻ sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.
MT87	Trẻ biết nhận dạng, tập tô, tập đồ một số chữ cái.	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.
MT88	Làm quen cách đọc, viết tiếng Việt.	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT89	Trẻ biết giữ gìn, bảo vệ sách	Dạy trẻ giữ gìn và cất sách đúng quy định khi học xong.

IV. GIÁO DỤC TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI

1. Thể hiện ý thức về bản thân		Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên của bố mẹ.
MT90	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên của bố, mẹ.	
MT91	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	Trò chuyện về sở thích và khả năng của trẻ.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
MT92	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	
MT93	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	- Thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...) - Hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT94	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh
MT95	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT96	Trẻ có thể nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Giáo dục trẻ kính yêu Bác Hồ

MT97	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Dạy trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
MT98	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội quê hương, đất nước.
Phát triển kỹ năng xã hội		
1. Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội		Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng : - Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ. - Giữ trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường...
MT99	Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình.	
MT100	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT101	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Dạy trẻ chú ý nghe khi cô và bạn nói.
MT102	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	Dạy trẻ biết chờ đến lượt.
MT103	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật).	Dạy trẻ trao đổi, thỏa thuận, hợp tác với bạn.
MT104	Trẻ biết yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	Dạy trẻ yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT105	Trẻ biết quan tâm giúp đỡ bạn.	Dạy trẻ quan tâm giúp đỡ bạn.
MT106	Trẻ phân biệt được hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	Dạy trẻ phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
2. Quan tâm đến môi trường		

MT107	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Dạy trẻ bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
MT108	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi qui định, giữ gìn vệ sinh, môi trường.
MT109	Không bẻ cành, ngắt hoa.	Giáo dục trẻ không bẻ cành, ngắt hoa.
MT110	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Dạy trẻ tiết kiệm điện nước. - Tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.

V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

MT111	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc.
MT112	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm, nói lên cảm xúc của mình khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT113	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.	Nghe và hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.
<i>MT 114</i>	<i>- Trẻ được hoạt động âm nhạc theo tiếp cận đa văn hoá</i>	<i>- Hát, nghe hát, vận động theo các loại hình dân ca phù hợp - Thể hiện tình cảm, sắc thái qua mỗi loại hình dân ca đặc trưng</i>
MT115	Trẻ thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.

MT116	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ, và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Thể hiện thái độ, lời nói của bản thân trước vẻ đẹp của tác phẩm tạo hình.
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT117	Trẻ nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	Cho trẻ nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).
MT118	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ...	Hát đúng giai điệu, lời ca thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT119	Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát, bản nhạc.
MT120	Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT121	Trẻ phối hợp được các nguyên liệu - vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
MT122	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
MT123	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT124	Trẻ biết làm lốm, dõ bẹt, cong đẽ bẻ, vuốt nhọn, uốn át nặn để tạo thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
MT125	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.

<i>MT126</i>	<i>- Trẻ được ứng dụng phương pháp STEM trong một số hoạt động tạo hình</i>	<i>- Trẻ vẽ, nặn, xé dán theo sở thích về một số đối tượng trong dự án - Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau tạo ra sản phẩm bằng ứng dụng phương pháp STEM.</i>
MT127	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng /đường nét.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
MT128	Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
MT129	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Tự lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.
MT130	Trẻ biết lựa chọn nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tự chọn nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích.
MT31	Trẻ nói được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT132	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

II. Dự kiến chủ đề, thời gian thực hiện

STT	Tên chủ đề	Số tuần	Sự kiện diễn ra trong chủ đề	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Trường mầm non	4	Tết trung thu	Từ ngày 05/09 đến 03/10/2025	
2	Bản thân	4	Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	Từ ngày 06/10 đến 31/10/2025	
3	Gia đình	4	Ngày hội của các cô giáo 20/11	Từ ngày 03/11 đến 28/11/2025	
4	Nghề nghiệp	4	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12	Từ ngày 01/12 đến 26/12/2025	

5	Thế giới động vật	4	- Kết thúc học kỳ 1(Tuần 18 ngày 09/01/2026)	Từ ngày 29/12 đến 23/01/2026	
6	Thế giới thực vật	4	Tết và mùa xuân (Nghỉ tết Nguyên Đán từ ngày 16/02/2026-28/02/2026) - Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	Từ ngày 26/01 đến 06/03/2026	
7	Phương tiện và một số quy định giao thông	4		Từ ngày 09/03 đến 03/04/2026	
8	Nước và hiện tượng TN	3		Từ ngày 06/04 đến 24/04/2026	
9	Quê hương - Đất nước- Bác Hồ	4	Kỷ niệm ngày 30/4 và 1/5, sinh nhật Bác Hồ	Từ ngày 27/04 đến 22/05/2026	

*Ghi chú: MT phát triển, phát triển nội dung nhỏ được ký hiệu là in nghiêng, bôi đỏ.

Quảng Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nguyệt